

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;
Căn cứ Quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc Phê duyệt Danh mục, bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;
Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 717/TTr-STNMT ngày 21 tháng 6 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Giao Thủ trưởng các sở; ban; ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các nội dung sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường
 - a) Tổ chức công bố Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên các phương tiện thông tin đại chúng.
 - b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất thuộc vùng hạn chế khai thác nước dưới đất thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định.
 - c) Trên cơ sở Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất, tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất. Định kỳ báo cáo UBND tỉnh theo quy định.
 - d) Định kỳ năm (05) năm một lần hoặc trong trường hợp cần thiết, thực hiện việc rà soát Phương án hạn chế khai thác nước dưới đất, trình UBND tỉnh quyết

định việc điều chỉnh, bổ sung vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Xây dựng

Căn cứ Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt, tổ chức thực hiện các phương án để đảm bảo cung cấp nước từ mạng lưới công trình cấp nước khu đô thị, khu công nghiệp tại các khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt, tổ chức thực hiện các phương án để đảm bảo cung cấp nước từ mạng lưới công trình nước sạch nông thôn tại các khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Thông báo đến các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải đăng ký khai thác nước dưới đất về các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc giám sát các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong việc thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất theo Phương án được UBND tỉnh phê duyệt.

5. Các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất

a) Thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất theo Phương án được duyệt;

b) Cung cấp các thông tin, số liệu liên quan đến công trình khai thác và hoạt động khai thác nước dưới đất theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường để phục vụ hoạch định, điều chỉnh vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi có yêu cầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Cục QL Tài nguyên nước;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

PHƯƠNG ÁN HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

I. DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT THUỘC VÙNG HẠN CHẾ I

stt	Tên đơn vị	Số giấy phép khai thác nước dưới đất	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Lưu lượng khai thác(m³/ngày)	Tên giếng	Tọa độ VN2000		Địa điểm công trình khai thác nước dưới đất	Vị trí giếng thuộc vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	Biện pháp hạn chế
							X(m)	Y(m)			
HUYỆN PHÙ CÁT											
1	Công ty TNHH Ngọc Châu	15/GP-UBND	02/05/2010	02/05/2015	50	NC	1.562.887	302.288	xã Cát Minh	Nằm trong biên mặn	Dừng hoạt động khai thác và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định
		49/GP-UBND	06/10/2011	06/10/2016	150	G1	1.561.591	305.843	xã Cát Khánh	Nằm trong biên mặn	
						G2	1.561.523	305.825			
2	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Thanh	31/GP-UBND	13/4/2018	13/4/2028	195	G1	1.553.211	309.515	thôn Chánh Oai, xã Cát Hải	Nằm trong biên mặn	Dừng hoạt động khai thác và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định
						G2	1.553.185	309.532			
						G3	1.553.159	309.549			
						G4	1.553.130	309.554			
						G5	1.552.869	309.695			
						G6	1.552.849	309.702			
						G7	1.552.824	309.721			
						G8	1.552.799	309.739			
3	Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Pegasus	64/GP-UBND	20/9/2018	20/9/2023	180	G2	1.549.445	607.219	Xã Cát Hải	Nằm trong khu vực cách biên mặn 100m	Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình cấp nước sinh hoạt

stt	Tên đơn vị	Số giấy phép khai thác nước dưới đất	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Lưu lượng khai thác(m³/ngày)	Tên giếng	Tọa độ VN2000		Địa điểm công trình khai thác nước dưới đất	Vị trí giếng thuộc vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	Biện pháp hạn chế
							X(m)	Y(m)			
HUYỆN PHÙ MỸ											
4	CTCP Việt Úc Bình Định	45/GP- UBND	09/07/2017	09/07/2027	180	G1	1.576.629	304.144	thôn Xuân Thanh Nam, Mỹ An	Năm trong khu vực cách biên mặn 100m	Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình cấp nước sinh hoạt
						G2	1.576.759	304.060			
						G3	1.576.873	303.985			
5	Công ty cổ phần Chăn nuôi C.P. Việt Nam - Chi nhánh Bình Định 3 (nay là Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Việt Nam – Chi nhánh 1 tại Bình Định)	71/GP- UBND	29/12/2015	10 năm	180	G1	1.577.514	600.359	Thôn Xuân Thanh, xã Mỹ An	Năm trong biên mặn	Dừng hoạt động khai thác và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định
						G2	1.577.433	600.397			
						G3	1.577.325	600.513			
						G4	1.577.237	600.565			
						G5	1.577.151	600.621			
						G6	1.577.116	600.571			
THỊ XÃ HOÀI NHƠN											
6	Công ty Cổ phần thủy sản Hoài Nhơn	16/GP- UBND	04/06/2016	04/06/2026	140	NG1	1.610.251	289.595	thôn Tân Thành 1, phường Tam Quan Bắc	Năm trong biên mặn	Dừng hoạt động khai thác và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định
						NG2	1.610.283	289.617			

II. DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT THUỘC VÙNG HẠN CHẾ III

stt	Tên đơn vị	Số giấy phép khai thác nước dưới đất	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Lưu lượng khai thác (m³/ngày)	Tên giếng	Tọa độ VN2000		Địa điểm công trình khai thác nước dưới đất	Phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	Biện pháp hạn chế
							X(m)	Y(m)			
HUYỆN TUY PHƯỚC											
1	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	04/GP-UBND	03/02/2015	03/02/2025	74	G1	1.528.754	299.990	Thị trấn Tuy Phước	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						G2	1.528.714	299.981			
						G3	1.528.731	300.005			
						G4	1.528.718	299.914			
						G5	1.528.701	299.952			
2	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	28/GP-BTNMT	28/02/2020	28/02/2025	5.900	G1A	1.526.880	300.008	Thôn Vân Hội, thị trấn Diêu Trì	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						G2A	1.526.776	299.984			
						G3	1.527.301	300.409			
						G1	1.526.864	300.008			
						G2	1.526.792	299.980			
3	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	674/GP-BTNMT	21/03/2019	21/03/2029	20.300	G9	1.526.457	299.368	bắc sông Hà Thanh, Thị trấn Diêu Trì	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						G10	1.526.568	299.659			
4	Trung tâm Nước sạch và vệ sinh Môi trường nông thôn Bình Định	17/GP-UBND	13/3/2019	13/3/2029	2.900	G4	1.536.298	301.128	thôn Tân Điền và thôn Quảng Điền, xã Phước Quang (khu A) và thôn Tuân Lễ, xã Phước Hiệp (khu B)	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						G5	1.536.111	301.330			

stt	Tên đơn vị	Số giấy phép khai thác nước dưới đất	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Lưu lượng khai thác (m³/ngày)	Tên giếng	Tọa độ VN2000		Địa điểm công trình khai thác nước dưới đất	Phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	Biện pháp hạn chế
							X(m)	Y(m)			
THÀNH PHỐ QUY NHƠN											
5	Công ty cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Trung	69/GP_UBND	30/12/2016	30/12/2026	1.500	G1	1.525.871	298.433	phường Trần Quang Diệu	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						G3	1.525.849	298.438			
						G4	1.525.941	298.433			
						G5	1.525.962	298.508			
						G2	1.525.877	298.374			
6	Công ty cổ phần In và Bao bì Bình Định	74/GP-UBND	04/12/2014	10 năm	30	G1	1.524.694	600.160	Khu vực 7, phường Nhơn Phú	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
7	UBND thành phố Quy Nhơn	41/GP-UBND	08/12/2015	10 năm	120	G1	1.505.740	619.153	Thôn Tây, xã Nhơn Châu	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
8	Xí nghiệp 380 - Chi nhánh Công ty cổ phần Phú Tài	54/GP-UBND	23/10/2015	10 năm	120	GĐXN380	1.523.907	299.831	Khu vực 5, phường Trần Quang Diệu	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
9	Trường Đại học Quy Nhơn	13/GP-UBND	02/07/2018	02/07/2028	40	GKA6	1.521.791	306.957	170 An Dương Vương, P Nguyễn Văn Cừ	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						GKN4	1.521.953	307.241			

stt	Tên đơn vị	Số giấy phép khai thác nước dưới đất	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Tên giếng	Tọa độ VN2000		Địa điểm công trình khai thác nước dưới đất	Phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	Biện pháp hạn chế
							X(m)	Y(m)			
10	Khách sạn Hải Âu	53/GP-UBND	24/8/2018	24/08/2028	40	G1	1.521.622	604,566	489 An Dương Vương, phường Nguyễn Văn Cừ	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						G2	1.521.592	604,541			
11	Công ty TNHH Trọng Điểm	18/GP-UBND	11/03/2021	11/03/2031	40	G1	1.514.492	593.879	thôn Long Thành, xã Phước Mỹ	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
12	Công ty cổ phần Du lịch Bình Định	56/GP-UBND	09/11/2018	09/11/2023	15	GK	1.523.295	606.559	08 Nguyễn Huệ, phường Lê Lợi	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
13	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	673/GP-BTNMT	21/03/2019	21/03/2029	9.000	B2KT	1.525.949	298.604	Bãi giếng Thê Thanh, P. Trần Quang Diệu	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						B3KT	1.526.138	299.186			
						B4KT	1.526.048	298.902			
14	Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định	61/GP-UBND	12/9/2018	12/9/2024	150	G1	1.527.973	609.211	Xã Nhơn Hội	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						G2	1.527.863	609.276			
						G3	1.527.642	609.330			
						G5	1.527.781	609.209			

stt	Tên đơn vị	Số giấy phép khai thác nước dưới đất	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Lưu lượng khai thác (m³/ngày)	Tên giếng	Tọa độ VN2000		Địa điểm công trình khai thác nước dưới đất	Phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	Biện pháp hạn chế
							X(m)	Y(m)			
THỊ XÃ AN NHƠN											
15	Công ty cổ phần Xây lắp An Nhơn	18/GP-UBND	13/4/2017	13/4/2022	1.980	G2	1.532.326	291.425	xã Nhơn Thọ và xã Nhơn Hòa	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						G3	1.532.275	291.411			
						GI	1.532.283	291.956			
						GII	1.532.277	291.919			
						GIII	1.532.230	291.885			
16	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	2997/GP-BTNMT	23/11/2015	23/11/2025	25.000	TA7	1.534.999	296.732	Thôn Liêm Trục, phường Bình Định	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						TA8	1.534.858	297.021			
						TA9	1.534.864	297.242			
17	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	63/GP-UBND	19/12/2016	19/12/2026	1.680	ĐĐ1	1.539.830	293.815	Khu vực Bằng Châu, phường Đập Đá	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						ĐĐ2	1.539.770	293.815			
						ĐĐ3	1.539.668	293.830			
HUYỆN PHÙ CÁT											
18	HTX Dịch vụ Nông nghiệp Cát Minh	28/GP-UBND	05/06/2019	05/06/2029	1.200	GK1	1.562.601	300.839	Thôn Gia Thạnh, xã Cát Minh	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						GK2	1.562.594	300.834			
						GK3	1.562.789	300.907			
						GK4	1.562.822	300.955			
19	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	65/GP-UBND	11/08/2020	11/08/2030	50	G1	1.549.224	587.271	Số 12, đường 3/2, TT Ngõ Mây	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						G2	1.549.259	587.295			
						G3	1.549.254	587.296			
						G4	1.549.257	587.315			
						G5	1.549.206	587.322			
						G6	1.549.256	587.434			

stt	Tên đơn vị	Số giấy phép khai thác nước dưới đất	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Lưu lượng khai thác (m³/ngày)	Tên giếng	Tọa độ VN2000		Địa điểm công trình khai thác nước dưới đất	Phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	Biện pháp hạn chế
							X(m)	Y(m)			
20	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Bình Định	115/GP-BTNMT	16/07/2021	16/07/2025	5.600	G7	1.549.211	587.436	xã Cát Nhơn	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						G1	1.543.900	299.742			
						G2	1.543.989	299.809			
						G3	1.544.161	299.859			
						G4	1.544.162	300.277			
						NC-G1	1.544.161	300.062			
21	Công ty cổ phần Bất động sản Thành Châu	105/GP-UBND	24/12/2020	24/12/2023	60	G1	1538228	608432	Khu du lịch biển Nhơn Lý – Cát Tiến, xã Nhơn Lý	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						G2	1538171	608467			
						G3	1537742	609050			
22	Công ty cổ phần Du lịch biển Maia Quy Nhơn	93/GP-UBND	08/10/2019	08/10/2024	198	G1	1540646	607343	Khu du lịch biển Nhơn Lý – Cát Tiến	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						G2	1540694	607432			
HUYỆN PHÙ MỸ											
23	Nhà máy cấp nước sạch Phù Mỹ	23/GP-UBND	23/03/2021	23/03/2031	1.950	PW1	1.567.533	587.048	thôn Bình Trị, Mỹ Quang	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						PW2	1.567.344	587.013			
						PW3	1.567.174	587.123			
						Gbs1	1.567.766	586.541			
						Gbs2	1.567.740	586.656			
24	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	74/GP-UBND	28/12/2017	28/12/2027	1.000	MC1	1.582.386	292,925	thôn Dương Liễu Bắc, thị trấn Bình Dương	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						MC2	1.582.316	292,907			
						MC3B	1.582.198	292,871			
25	Nhà máy may Phù Mỹ - CN Công ty CP	17/GP-UBND	01/04/2020	01/04/2030	60	1GK	1.566.311	585.804	thôn Trà Quang Nam, TT Phù Mỹ	khu vực liền kề vùng hạn chế I, cách khu vực có	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều

stt	Tên đơn vị	Số giấy phép khai thác nước dưới đất	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Tên giếng	Tọa độ VN2000		Địa điểm công trình khai thác nước dưới đất	Phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	Biện pháp hạn chế
							X(m)	Y(m)			
	Vinatex Đà Nẵng									nghĩa trang tập trung 1.000m và thuộc khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
THỊ XÃ HOÀI NHƠN											
26	Công ty CP Công nghệ WASHHNC	12/GP-UBND	03/03/2020	03/03/2025	500	W01	1.608.872	288.000	CCN Tam Quan, TT Tam Quan	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						W02	1.608.920	287.934			
						W03	1.608.972	287.907			
27	Trung tâm Nước sạch và vệ sinh Môi trường nông thôn Bình Định	11/GP-UBND	03/03/2020	03/03/2030	2.950	G1	1.597.330	288.623	thôn Song Khánh, phường Hoài Xuân	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						G2	1.597.255	288.496			
						G3	1.597.022	288.493			
						G4	1.597.180	288.760			
						G5	1.597.026	288.714			
28	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	2031/GP-BTNMT	05/08/2019	05/8/2024	3.500	BS1	1.594.893	285.117	phường Bồng Sơn	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						BS2	1.595.022	285.243			
						BS3A	1.594.955	285.178			
						BS4A	1.594.827	285.122			
29	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	43/GP-UBND	24/7/2018	24/7/2028	2.900	G1	1.594.555	284.132	khóm Trung Lương, phường Bồng Sơn	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						G2	1.594.484	284.435			
						G3	1.594.471	284.599			
						G4	1.594.512	284.819			
						G5	1.594.607	284.946			

stt	Tên đơn vị	Số giấy phép khai thác nước dưới đất	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Tên giếng	Tọa độ VN2000		Địa điểm công trình khai thác nước dưới đất	Phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	Biện pháp hạn chế
							X(m)	Y(m)			
30	CTCP Đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh	68/GP-UBND	26/12/2016	26/12/2026	180	GK1	1.610.411	585.904	thôn Tân Thành 1, phường Tam Quan Bắc	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						GK2	1.610.456	585.907			
31	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bồng Sơn	67/GP-UBND	19/12/2016	19/12/2026	180	NN1	1.537.658	295.360	Số 202 đường Quang Trung phường Bồng Sơn	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
32	Công ty cổ phần May Tam Quan	73/GP-UBND	04/12/2014	10 năm	80	G1	1.609.185	288.155	Cụm Công nghiệp Tam Quan, thị trấn Tam Quan	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						NG1	1.609.279	288.226			
						NG2	1.609.262	288.217			
						BS2	1.595.022	285.243			
						BS3A	1.594.955	285.178			
						BS4A	1.594.827	285.122			
33	Công ty cổ phần Đầu tư An Phát	72/GP-UBND	02/12/2014	10 năm	120	G1	1609413	288353	Cụm Công nghiệp Tam Quan, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn	Khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn giấy phép theo quy định.
						G2	1609478	288126			
						G3	1609413	288175			
						G4	1609375	288260			
						G5	1609408	288189			

Lưu ý: Các công trình khai thác nước dưới đất phục vụ cho việc cấp nước tập trung, nằm trong vùng hạn chế III thì được tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép; các công trình không sử dụng cho mục đích cấp nước tập trung thì chỉ được tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép với tổng lưu lượng không quá 100m³/ngày đêm nếu đủ điều kiện.

III. DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT THUỘC VÙNG HẠN CHẾ HỖN HỢP (VÙNG CHỒNG LẤN GIỮA VÙNG HẠN CHẾ I VÀ VÙNG HẠN CHẾ III)

stt	Tên đơn vị	Số giấy phép khai thác nước dưới đất	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Lưu lượng khai thác (m³/ngày)	Tên giếng	Tọa độ VN2000		Địa điểm công trình khai thác nước dưới đất	Phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	Biện pháp hạn chế
							X(m)	Y(m)			
THÀNH PHỐ QUY NHƠN											
1	CTCP Thủy sản Bình Định- Nhà máy chế biến thủy sản An Hải	81/GP-UBND	12/12/2018	12/12/2023	60	GK1	1.523.314	310.492	02D Trần Hưng Đạo Quy Nhơn	khu vực liền kề vùng hạn chế I, cách biên mặn 100m và thuộc khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình cấp nước sinh hoạt
2	Bệnh viện chỉnh hình và phục hồi chức năng Quy Nhơn	109/GP-UBND	26/12/2019	26/12/2029	50	G1	1.521.769	306.202	580 Nguyễn Thái Học, Tp. Quy Nhơn	khu vực liền kề vùng hạn chế I, cách khu vực có nghĩa trang tập trung 1.000m và thuộc khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình cấp nước sinh hoạt
						G2	1.521.771	306.209			
						G3	1.521.839	306.178			
3	Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy Sữa Bình Định	06/GP-UBND	12/01/2022	06/03/2025	360	G1	1.522.563	306.352	số 87 đường Hoàng Văn Thụ, phường Quang Trung, TP. Quy Nhơn	khu vực liền kề vùng hạn chế I, cách khu vực có nghĩa trang tập trung 1.000m và thuộc khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình cấp nước sinh hoạt
						G2	1.522.547	306.341			
						G3	1.522.553	306.318			

stt	Tên đơn vị	Số giấy phép khai thác nước dưới đất	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Lưu lượng khai thác (m³/ngày)	Tên giếng	Tọa độ VN2000		Địa điểm công trình khai thác nước dưới đất	Phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	Biện pháp hạn chế
							X(m)	Y(m)			
HUYỆN PHÙ CÁT											
4	Công ty TNHH Du lịch Trung Hội	69/GP-UBND	04/9/2020	04/9/2025	56	G1	1.543.269	606.774	Thôn Trung Lương, xã Cát Tiến	khu vực liên kề vùng hạn chế I, cách khu vực có nghĩa trang tập trung 1.000m và thuộc khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Chi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình cấp nước sinh hoạt
						G2	1.543.327	606.800			
						G3	1.543.180	606.821			
THỊ XÃ HOÀI NHƠN											
5	Trung tâm y tế huyện Hoài Nhơn	65/GP-UBND	19/12/2016	19/12/2026	40	G1	1.610.272	289.508	Quốc lộ 1, phường Tam Quan	khu vực liên kề vùng hạn chế I, cách biên mặn 100m và thuộc khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung	Chi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình cấp nước sinh hoạt
						G2	1.610.268	289.501			

Lưu ý: Trong vùng hạn chế hỗn hợp, chỉ được tiếp tục khai thác, cấp, gia hạn giấy phép đối với công trình cấp nước sinh hoạt với tổng lưu lượng không quá 100m³/ngày đêm nếu đủ điều kiện.